

Số: 945/QĐ-SYT

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Cấp mới, thu hồi Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
đợt 26 năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Biên bản họp ngày 24/4/2026 của Tổ thư ký thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho **31** cá nhân đủ điều kiện (*Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm*).

Thu hồi **01** chứng chỉ hành nghề sau cấp mới giấy phép hành nghề do thay đổi chức danh (*Chi tiết theo phụ lục 2 đính kèm*).

Điều 2. Các cá nhân được cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng phạm vi hành nghề, thời hạn hành nghề và tuân thủ các quy định hiện hành đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Các cá nhân sau thu hồi chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 1 có trách nhiệm chấp hành nghiêm các quy định liên quan sau thu hồi chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, báo cáo tổ chức, đơn vị có liên quan và không được hành nghề với phạm vi chuyên môn đã thu hồi dưới mọi hình thức.



Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Trưởng các Phòng thuộc Sở và các cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 ;
- Ban Giám đốc SYT (đề b/c) ;
- Các đơn vị trực thuộc SYT ;
- Các cơ sở KBCB tư nhân ;
- Công TTĐT SYT (đăng tải) ;
- Lưu VT, QLHN.

GIÁM ĐỐC

Tô Thị Mai Hoa

Phụ lục 1.
DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
ĐỢT 26 NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 945/QĐ-SYT ngày 28/4/2026 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
1	HOÀNG THỊ MẾN	23/3/1991	024191005129	26/9/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học dự phòng	001535/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
2	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	22/12/1992	024192014399	11/6/2023	Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y học dự phòng	001536/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
3	ĐINH HỮU ĐÀM	15/11/2002	038202004193	05/8/2022	Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	001537/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
4	NGUYỄN THỊ THU HẢI	28/3/2003	027303004005	25/4/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	001538/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
5	LƯU THỊ THU UYÊN	01/11/1998	024198007407	08/7/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Sản phụ khoa	001539/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
6	VI THỊ THANH HIỀN	14/5/1998	024198012380	11/9/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Chuyên khoa Sản phụ khoa	001540/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
7	NGUYỄN THỊ MAI	16/8/1988	024188010512	01/12/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Nội khoa	001541/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
8	HOÀNG THỊ THÙY	13/11/2000	024300014677	08/3/2024	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	001542/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
9	PHAN THỊ YẾN	14/01/2003	027303003719	22/4/2024	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Hình ảnh y học	001543/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
10	VŨ THỊ MAI LOAN	16/12/1996	030196003965	10/4/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Da liễu	001544/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
11	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	04/3/2003	024303002049	26/3/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001545/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
12	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	13/11/2001	024301004573	17/12/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	001546/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
13	ĐẶNG THỊ AN	22/11/2001	027301010236	10/5/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001547/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
14	DƯƠNG LAN ANH	17/02/2004	024304008799	15/9/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001548/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
15	NGÔ TRUNG HIẾU	14/01/1999	024099004449	06/02/2023	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	001549/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
16	NGUYỄN THỊ NGỌC	26/01/1992	024192016832	01/9/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001550/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
17	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	03/7/1998	024198009803	25/8/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Ung thư	001551/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
18	NÔNG THỊ THÙY ĐIỂM	28/3/1998	006198004192	12/7/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Ung thư	001552/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
19	LÊ CÔNG HUY	14/3/2001	027201005522	04/3/2026	Bộ Công an	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	001553/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
20	LÀM THỊ NGA	09/10/1989	024189003719	25/4/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Y sĩ	Y học cổ truyền	001554/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
21	BÙI THỊ KIM OANH	21/9/2004	030304004159	17/4/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001555/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
22	NGUYỄN MINH HIẾU	19/9/1999	024099008672	24/10/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	001556/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
23	ĐỖ THỊ MỸ HẠNH	13/01/2004	027304009969	14/5/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001557/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
24	BẠCH KIM NGÂN	29/10/1999	024199000855	22/01/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001558/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
25	NGUYỄN HẢI YẾN	13/10/2001	027301000948	09/4/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001559/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
26	NGUYỄN THỊ LỖ	12/5/1997	027197008458	09/5/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001560/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
27	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	06/3/2000	027300009730	06/3/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001561/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu
28	ĐỖ VĂN THAO	08/12/1998	024098009811	26/01/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Ngoại khoa	001562/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới lần đầu

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
29	DƯƠNG TUẤN HẢI	12/6/1983	024083018720	18/7/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001563/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp mới_thay đổi chức danh
30	DƯƠNG THỊ HẢI YẾN	25/6/1984	024184002125	21/5/2024	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Y sĩ	Y học cổ truyền	001564/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp lại_sau thu hồi
31	NGUYỄN THỊ TÌNH	30/6/1997	027197002749	27/4/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001565/BN-GPHN	28/4/2026	28/4/2031	Cấp lại_do hỏng

Phụ lục 2.**DANH SÁCH THU HỒI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ/GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH***(Ban hành kèm theo Quyết định số 945/QĐ-SYT ngày 28/4/2026 của Sở Y tế)*

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
1	DƯƠNG TUẤN HẢI	12/6/1983	024083018720	000364/BG-CCHN	08/3/2016	Hộ sinh trung học	Theo Quyết định số 41/2025/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Thu hồi sau cấp mới giấy phép hành nghề do thay đổi chức danh